

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày: 09/01/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12400/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số B14 dự án 108 Nguyễn Trãi, phường TĐ, quận TX, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh S, sinh năm 1977 và bà Hoàng Phương T, sinh năm 1994; địa chỉ: quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MNL VN; địa chỉ: quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LSH– Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1980 - Công ty luật TNHH HM và cộng sự; địa chỉ: quận DD, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc C2, sinh năm 1990; địa chỉ: phường LT, quận DD, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 4/2018, bà C gặp ông C2 (do người quen giới thiệu); ông C2 giới thiệu cho bà C về sản phẩm bảo hiểm “Manulife gia đình tôi yêu” của Công ty MNL VN. Ông C2 cung cấp cho bà C “Bảng tóm tắt giá trị tương lai” để thuyết trình về giá trị bảo hiểm nếu bà C mua gói bảo hiểm này. Sau khi nhận được “Bảng tóm tắt giá trị tương lai”, bà C có ký vào 04 “Đơn yêu cầu bảo hiểm” chưa có nội dung. Bên nguyên đơn không có căn cứ để chứng minh việc chữ ký của bà C có trước hay sau phần nội dung của “Đơn yêu cầu bảo hiểm”.

Tại thời điểm ký “Đơn yêu cầu bảo hiểm”, giữa bà C và ông C2 chưa bàn về nội dung của Hợp đồng; ông C2 cũng chưa đưa bản thảo Hợp đồng cho bà C mà chỉ tư vấn miệng và kèm theo “Bảng tóm tắt giá trị tương lai”. Ông C2 trao đổi miệng với bà C là sẽ đưa lại Hợp đồng cho bà C trong hạn 21 ngày kể từ ngày bà C chuyển tiền; ngoài ra, hai bên không có thỏa thuận nào khác.

Ngày 13/4/2018, bà C chuyển hai lần gồm 250.000.000đ và 510.000.000đ; tổng số là 760.000.000đ. Ngày 17/4/2018, bà C chuyển 250.000.000đ. Như vậy, tổng cộng bà C đã chuyển số tiền 1.010.000.000đ vào tài khoản của Công ty MNL VN. Sau hơn hai (02) tháng kể từ ngày chuyển tiền lần cuối cùng, ông C2 đưa cho bà C 04 bản Hợp đồng bảo hiểm gốc. Trong các Hợp đồng này thì bên nguyên đơn khẳng định:

Tại trang cuối của Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018; “Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm” và biên bản bàn giao không phải do bà C ký.

Tại trang cuối của Hợp đồng bảo hiểm số 2817193665 ngày 23/04/2018; 02 “Tờ khai thông tin”, “Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm và biên bản bàn giao không phải do bà C ký.

Tại Hợp đồng bảo hiểm số 2815839897 ngày 17/04/2018 thì “Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm” do bà C ký khi chưa có nội dung.

Tại Hợp đồng bảo hiểm số 815840002 ngày 17/04/2018 thì “Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm” do bà C ký khi chưa có nội dung.

Nguyên đơn nộp 04 Hợp đồng bảo hiểm gốc; nguyên đơn không đề nghị Tòa án giám định chữ ký của bà C trong bốn (04) Hợp đồng này.

Sau khi nhận Hợp đồng bảo hiểm, bà C thấy nội dung Hợp đồng không đúng với nội dung ông C2 đã tư vấn. Bà C đã điện thoại cho ông C2 yêu cầu sửa đổi Hợp đồng bảo hiểm như nội dung tư vấn, ông C2 hứa đến năm thứ hai mới sửa đổi nội dung Hợp đồng. Số tiền 1.010.000.000đ bà C đã đóng là toàn bộ số tiền đóng cho cả bốn (04) hợp đồng. Sau đó, ông C2 và bà C không có thỏa thuận nào khác.

Đối với vấn đề bị đơn trình bày việc ngày 27/6/2018, bà C đã gửi đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà C là đối với hợp đồng ký năm 2013; đơn này do ông C2 viết, không có chữ ký của bà C.

Đối với ý kiến hoà giải của Công ty Manulife Việt Nam về việc Công ty Manulife Việt Nam vẫn đồng ý để bà C tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm thì nguyên đơn không đồng ý với phương án hoà giải do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề xuất; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn yêu cầu hủy toàn bộ bốn (04) Hợp đồng bảo hiểm là các Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319; số 2817193665; số 2815839897; số 2815840002 và yêu cầu trả lại tổng số tiền 1.010.000.000đ (không yêu cầu lãi) là do bên đại lý bảo hiểm có hành vi gian dối; hợp đồng không phải là ý chí của bà C thể hiện ở việc không có chữ ký của bà C trong bốn (04) Hợp đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty MNL VN ông Nguyễn Hồng Hà và bà Nguyễn Thị Minh Thu trình bày:

Năm 2013, bà C đã tham gia bảo hiểm với Công ty Manulife Việt Nam thông qua Hợp đồng bảo hiểm số 2811670502 có hiệu lực kể từ ngày 13/06/2013, hiện nay vẫn còn hiệu lực.

Năm 2018, thông qua tư vấn viên là ông C2 thì ban đầu bà C định mua 02 Hợp đồng với mức phí là 510.000.000đ/năm và 500.000.000đ/năm (đóng trong vòng 04 năm) đối với bà C và ông Bùi Bá Thiện. Tuy nhiên, theo yêu cầu của bà C chuyển thành bốn (04) Hợp đồng, giảm mức phí của ông Thiện xuống còn 300.000.000đ/năm và chuyển sang hợp đồng cho hai con của ông Thiện và bà C mỗi người 100.000.000đ/năm.

Ông C2 là đại lý bảo hiểm đã giải thích, tư vấn rất rõ về các điều khoản liên quan đến Hợp đồng. Sau khi được giải thích các điều khoản của Hợp đồng, bà C đã tự nguyện ký vào 04 “Đơn yêu cầu bảo hiểm” có chữ ký của người được bảo hiểm (ông Thiện) và 02 Hợp đồng của con bà C do chưa đủ 18 tuổi nên do bà C ký. Trong đơn yêu cầu bảo hiểm không có các điều khoản cụ thể của Hợp đồng mà theo thông lệ là do tư vấn viên trao đổi trực tiếp với người mua bảo hiểm.

Ngày 13/4/2018, bà C chuyển 250.000.000đ và 510.000.000đ; ngày 17/4/2018 bà C chuyển 250.000.000đ. Tổng cộng, bà C đã chuyển số tiền 1.010.000.000đ vào tài khoản của Công ty MNL VN; đây là mức phí của tổng bốn (04) Hợp đồng cho năm thứ nhất.

Công ty MNL VN không thừa nhận chữ ký của bà C trong các Hợp đồng là chữ ký giả; yêu cầu nguyên đơn chứng minh theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thì trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng thì bà C có quyền yêu cầu thay đổi nội dung Hợp đồng, kể cả từ chối không thực hiện Hợp đồng nữa.

Hiện nay, ông C2 đã chấm dứt Hợp đồng với Công ty MNL VN nên Công ty MNL VN không xác định được chính xác ngày bàn giao Hợp đồng cho bà C. Tuy nhiên, Công ty MNL VN chấp nhận lời khai của bà C về thời điểm nhận Hợp đồng là ngày 17/06/2018.

Hợp đồng bảo hiểm gốc không có chữ ký của bà C và không có chữ ký của Công ty MNL VN, đơn yêu cầu bảo hiểm là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 27/6/2018, bà C đã gửi đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà C theo Hợp đồng đã ký kết năm 2013 là Hợp đồng số 2811670502 và 02 Hợp đồng ký năm 2018 là Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319; số 2817193665 để thanh toán viện phí cho bà C tại Bệnh viện 198 với tổng số tiền khoảng 12.500.000 đồng. Đơn này do bà C viết, ký và chỉ có 01 bản được lưu tại Công ty Manulife Việt Nam.

Ngày 29/8/2018, hơn 60 ngày kể từ ngày bà C nhận được Hợp đồng và yêu cầu thanh toán phí bảo hiểm do năm viện, bà C có đến văn phòng Công ty Manulife Việt Nam tại Hà Nội để yêu cầu làm rõ nội dung của 04 (bốn) Hợp đồng bảo hiểm, nhân viên Công ty Manulife Việt Nam tại Hà Nội đã giải thích nội dung của 04 (bốn) Hợp đồng cho bà C, tại buổi làm việc bà C không đưa ra yêu cầu nào nên Công ty Manulife Việt Nam không lập biên bản làm việc.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau: Sản phẩm “Manulife gia đình tôi yêu” của Công ty MNL VN đã được Bộ Tài Chính cho phép; tài liệu là “Bảng tóm tắt giá trị tương lai” không phải là do Công ty MNL VN phát hành; những tài liệu đính kèm Hợp đồng bảo hiểm là do Công ty MNL VN phát hành.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C và đề nghị bà C tiếp tục thực hiện Hợp đồng và đóng phí Hợp đồng bảo hiểm theo quy định.

Ông C2 nghỉ việc từ thời điểm nào thì Công ty MNL VN sẽ kiểm tra và sẽ cung cấp thông tin cho Tòa án sau và đề nghị Tòa án triệu tập ông C2 phải có mặt để làm rõ một số vấn đề liên quan đến vụ án.

Từ tháng 4/2019, đến nay bà C chưa đóng phí bảo hiểm, theo quy định thì hợp đồng bảo hiểm này hết hiệu lực. Tuy nhiên, để các bên hòa giải được với nhau thì Công ty MNL VN vẫn đồng ý để bà C tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Nếu bà C không đồng ý với đề xuất phương án hòa giải thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo ông Trần Ngọc Chúc trình bày:

Khoảng năm 2017 đến năm 2018, ông là cộng tác viên tư vấn Công ty Manulife Việt Nam; ông cũng là khách hàng của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và làm đẹp của bà Hoàng Thị C.

Khoảng tháng 4/2018, ông giới thiệu bà C mua gói bảo hiểm “Manulife gia đình tôi yêu” của Công ty MNL VN. Ông đã cung cấp cho bà C 01 Hợp đồng bảo hiểm phù hợp với tình hình tài chính tại thời điểm hiện tại của bà C với số tiền bảo

vệ là 13 (mười ba) tỷ đồng, mức phí đóng là 01 (một) tỷ đồng. Sau đó, bà C nhận thấy giá trị gói bảo hiểm quá cao nên đã thay đổi và tách chuyển sang cho ông Bùi Bá Thiện (là chồng) gói bảo hiểm 500 (năm trăm) triệu đồng. Sau khi bà C đồng ý với phương án trên, ông đã thống nhất với bà C là tặng bà C số tiền 511.000.000đ để bà C đóng phí bảo hiểm. Số tiền này sẽ được lấy ra từ tiền hoa hồng và thưởng của Công ty Manulife Việt Nam cho ông từ hợp đồng bảo hiểm của bà C.

Ngày 13/4 và 17/4/2018, bà C đã đóng đầy đủ số tiền phí bảo hiểm là 1.010.000.000đ (bao gồm cả số tiền 511.000.000đ lấy ra từ tiền hoa hồng và thưởng của Công ty Manulife Việt Nam cho ông từ hợp đồng bảo hiểm của bà C).

Sau khi Công ty Manulife Việt Nam ra thư thăm định và khám sức khỏe thì phát hiện tình trạng sức khỏe của ông Thiện không đáp ứng được tiêu chuẩn do “thất trái dây động tâm nguy cơ đột quy” thì giảm mệnh giá gói bảo hiểm của ông Bùi Bá Thiện xuống còn 04 tỷ đồng với mức phí là 300.000.000đ. Phần còn lại 200.000.000đ thì chia làm 02 cho hai người con của ông Thiện và bà C là Bùi Hoàng Nam Thịnh và Bùi Việt Long cùng với số tiền là 100.000.000đ/hợp đồng và giá trị bảo vệ là 05 tỷ đồng/hợp đồng.

Ngày 07/5/2018, ông đã bàn giao đầy đủ cho bà C 04 (bốn) hợp đồng bảo hiểm số 2817193319; số 2817193665; số 2815839897; số 2815840002. Sau khi bàn giao xong, bộ phận dịch vụ khách hàng của Công ty Manulife Việt Nam có gọi điện cho bà C để xác nhận đã nhận được 04 (bốn) bộ hợp đồng hay chưa thì bà C đã xác nhận là nhận được 04 (bốn) bộ hợp đồng nêu trên.

Ngày 27/6/2018, bà C đã gửi đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà C theo hợp đồng đã ký kết năm 2013 là Hợp đồng số 2811670502 và 02 Hợp đồng ký năm 2018 là Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319; số 2817193665 để thanh toán viện phí cho bà C tại Bệnh viện 198 với tổng số tiền khoảng 13.500.000đ. Nếu ông không gửi cho bà C 04 (bốn) bộ hợp đồng bảo hiểm nêu trên thì bà C không hiểu được quyền lợi và số tiền bảo hiểm không được chuyển thẳng về tài khoản của bà C tại Ngân hàng Sacombank của bà C. Như vậy, hợp đồng của bà C đã qua 21 ngày cân nhắc để tìm hiểu có quyết định tham gia hay không tham gia hợp đồng bảo hiểm.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, quan điểm của ông là bà C đã tự nguyện ký vào 04 đơn yêu cầu bảo hiểm đã điền đầy đủ thông tin; bảng minh họa hợp đồng bảo hiểm số 2817193319; 2815839897; 2815840002 ông khẳng định là do ông mang đến tận nhà cho bà C trực tiếp ký. Còn bảng minh họa 2817193665 thì 02 “Tờ khai thông tin” và “Bảng minh họa” thì ông không nhớ rõ.

Theo ông, 04 Hợp đồng bảo hiểm của bà C với Công ty Manulife Việt Nam đã được thực hiện theo đúng quy trình bán hàng của Công ty Manulife Việt Nam nên phải được thực hiện theo đúng điều khoản của hợp đồng mà bà C đã ký kết. Do điều kiện thường xuyên công tác xa nhà nên ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 93; khoản 2 Điều 201; Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 3; Điều 14; Điều 17; Điều 19 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010); Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính Phủ; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam cụ thể như sau:

1.1. Hủy toàn bộ bốn (04) Hợp đồng bảo hiểm gồm các bảo hiểm: Số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018;

1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam phải hoàn trả cho bà C số tiền 1.010.000.000đ (*một tỷ, không trăm mười triệu đồng*)

1.3. Dành quyền khởi kiện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam đối với bà Hoàng Thị C khi có yêu cầu và theo trình tự pháp luật quy định về chi phí khám, xét nghiệm y khoa mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam đã trả liên quan đến 04 (bốn) hợp đồng bảo hiểm gồm: Số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà C được hoàn lại số tiền 21.450.000đ (hai mươi một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo phiếu thu số AA/2018/0013277 ngày 20/06/2019 của thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam phải chịu 42.300.000đ (bốn mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/01/2022, bị đơn là Công ty TNHH MNL VN có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc C2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của bị đơn Công ty TNHH MNL VN vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng bác các yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty TNHH MNL VN và kháng cáo của ông Trần Ngọc C2; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa quyết định của bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C hủy 02 Hợp đồng bảo hiểm số 2815839897 và 2815840002 ngày 24/04/2018; buộc Công ty TNHH MNL VN trả cho bà C số tiền tương ứng theo giá trị 02 hợp đồng bị hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Ngày 08/01/2019, bà Hoàng Thị C khởi kiện yêu cầu hủy 04 (bốn) hợp đồng bảo hiểm gồm các hợp đồng: Số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018 giữa bà Hoàng Thị C là bên mua bảo hiểm với Công ty Manulife Việt Nam và yêu cầu Công ty Manulife Việt Nam trả lại 1.010.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu tranh chấp hợp đồng bao hiểm và thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị C và yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Manulife Việt Nam.

[2.1]. Xét tính hợp pháp của các hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018: Hồ sơ vụ án thể hiện khoảng tháng 4 năm 2018, qua mối quen hệ quen biết thì đại lý của Công ty MNL VN là ông Trần Ngọc C2 tư vấn cho bà C mua gói bảo hiểm “Manulife gia đình tôi yêu”. Ban đầu ông C2 tư vấn cho bà C mua 02 hợp đồng; trong đó Hợp đồng của bà C 510.000.000đ/năm; Hợp đồng của ông Thiện 500.000.000đ/năm. Ngày 13/04/2018 và ngày 16 tháng 4 năm 2018, bà C đã đóng đủ tiền phí bảo hiểm của năm đầu tiên là 1.010.000.000đ trong đó ngày 13 tháng 4 năm 2018 đóng 760.000.000đ; ngày 16 tháng 4 năm 2018, bà C đóng 250.000.000đ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, bà C và ông Thiện đi khám sức khỏe; theo Công ty MNL VN vì sức khỏe ông Thiện không đạt tiêu chuẩn nên không được chấp nhận mức bồi thường tối đa là 6,5 tỷ đồng mà chỉ chấp nhận mức bồi thường tối đa 4 tỷ đồng. Do vậy, phải điều chỉnh thành 04 Hợp đồng trong đó: Hợp đồng của bà C 510.000.000đ/năm; Hợp đồng của ông Thiện 300.000.000đ/năm và 02 con của ông Thiện và bà C mỗi người 100.000.000đ/năm.

Theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm bảo hiểm tai nạn, sức khỏe phải được Bộ tài chính phê chuẩn quy tắc, điều khoản sản phẩm và biểu phí trước khi triển khai”.

Như vậy, sản phẩm “Manulife gia đình tôi yêu” của Công ty MNL VN đã được Bộ Tài Chính phê duyệt theo Công văn số 4386 ngày 24 tháng 11 năm 2016 là đảm bảo quy định tại Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, phù hợp với Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về việc Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cần được đăng ký mẫu với Bộ Công thương trước khi triển khai.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C xác nhận có ký vào 04 Đơn yêu cầu bảo hiểm, nhưng bà C cho rằng khi ký cả 04 Đơn yêu cầu bảo hiểm không có nội dung và cũng không được ông C2 cung cấp điều khoản cụ thể của 04 hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, bà C cũng như đại diện theo ủy quyền của bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp 04 bộ hợp đồng bảo hiểm gốc, trong đó có 04 Đơn yêu cầu bảo hiểm gốc, có chữ ký của bà C là bên mua bảo hiểm. Tại Điều 14 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định”.

Do vậy, có cơ sở xác định việc bà C ký vào 04 Đơn yêu cầu bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định pháp luật nên có căn cứ xác định 04 hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018 giữa bà C và Công ty MNL VN đã được giao kết và có giá trị pháp lý.

[2.2]. Tại Điều 4 của các hợp đồng bảo hiểm đều quy định: “*Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo đến Công ty, kèm theo các hóa đơn thu phí bảo hiểm (nếu có) và bộ Hợp đồng...*”. Tại Công văn số 1110/2018/LC ngày 10/12/2018 (bút lục số 27) Công ty MNL VN khẳng định: Sau khi nhận được hợp đồng bảo hiểm thì trong thời hạn 21 ngày bà C còn có quyền yêu cầu Công ty MNL VN điều chỉnh thông tin của hợp đồng bảo hiểm nếu bà C cho rằng nội dung của hợp đồng bảo hiểm không đúng với những gì bà C đã được tư vấn.

Tại đơn khởi kiện và tại các phiên tòa sơ thẩm ngày 07/4/2021 và 15/12/2021, bà C và đại diện của bà C, cũng như luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà C đều khẳng định khoảng cuối tháng 6 năm 2018 bà C mới nhận được 04 bản hợp đồng bảo hiểm do ông C2 giao trực tiếp. Sau khi nhận được 04 bản hợp đồng bảo hiểm trên, bà C nhận thấy 02 trong 04 hợp đồng không phải chữ ký của bà C, nội dung của cả 04 hợp đồng bảo hiểm không đúng như những gì ông C2 là đại lý bảo hiểm đã tư vấn. Bà C đã liên hệ ông C2 nhiều lần để yêu cầu làm rõ, cụ thể ngày 25/6/2018, bà C đã làm đơn yêu cầu hủy 04 hợp đồng bảo hiểm nêu trên và gửi qua đường bưu điện

cho ông C2 (bút lục 460). Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị ngày 25/6/2018 của bà Hoàng Thị C thể hiện: Khoảng tháng 5 năm 2018, ông C2 đã giao 04 hợp đồng bảo hiểm cho bà C, nhưng không lập biên bản giao nhận (bút lục số 476-477, đơn có chữ ký của bà C).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc C2 khẳng định khoảng đầu tháng 5 năm 2018, ông C2 đã bàn giao 04 hợp đồng bảo hiểm cho bà C. Đến khoảng tháng 7 năm 2018, bà C mới liên lạc với ông C2 yêu cầu hủy 04 hợp đồng bảo hiểm. Ông C2 đã đưa bà C đến trụ sở Công ty MNL VN tại phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội để làm việc nhưng không lập biên bản. Bà C và Công ty MNL VN xác nhận, thời điểm bà C đến văn phòng Công ty Manulife tại Hà Nội để yêu cầu làm rõ nội dung của 04 bản Hợp đồng bảo hiểm là vào ngày 29/8/2018.

Mặt khác, bị đơn còn cung cấp Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 27/6/2018 của bà C đề nghị Công ty MNL VN giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho bà C theo hai Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 và 2817193665. Việc bà C yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phát sinh từ hai Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 và 281719366 với tư cách là bên mua bảo hiểm và là người được bảo hiểm cho thấy bà C đã chấp nhận nội dung của các Hợp đồng bảo hiểm đã nhận. Bà C đã nhận được khoản tiền bảo hiểm do Công ty MNL VN thanh toán cho Đơn yêu cầu ngày 27/6/2018. Mặc dù các tài liệu thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo Đơn yêu cầu ngày 27/6/2018 của bà C là tài liệu phô tô, nội dung Đơn yêu cầu ngày 27/6/2018 không phải do bà C viết. Tuy nhiên, các tài liệu này phù hợp với lời khai của bị đơn, người liên quan và cụ thể là tại biên bản phiên tòa ngày 07/4/2021 (bút lục số 439) đại diện của bà C khẳng định bà C có ký vào Đơn yêu cầu ngày 27/6/2018, nên có cơ sở xác định ngày 27/6/2018, bà C đã yêu cầu Công ty MNL VN giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho bà C theo hai Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018 và số 2817193665 ngày 23/04/2018.

Căn cứ Đơn đề nghị ngày 25/6/2018 của bà C cùng lời khai của ông C2 là người tư vấn bảo hiểm cho bà C và bị đơn là Công ty MNL VN, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định thời điểm bà C nhận được 04 bản Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018 là khoảng tháng 5 năm 2018. Như vậy, ngày 25/6/2018, bà C mới có đơn đề nghị hủy 04 bản Hợp đồng bảo hiểm nêu trên là đã quá thời hạn 21 ngày theo Điều 4 của các Hợp đồng bảo hiểm.

[2.3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C và trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà C cho rằng ông C2 đã tư vấn không đúng như nội dung các Hợp đồng bảo hiểm mà bà C nhận được và vi phạm các quy định trong hoạt động đại lý bảo hiểm làm xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông C2 tư vấn sai thông tin, không đúng thông tin như 04 bản Hợp đồng bảo hiểm bà C được nhận. Tại Bản giải trình ngày 14/4/2021 (bút lục số 449), đại diện cho bà C khẳng định không cung cấp được tài

liệu chứng minh việc ông C2 tư vấn sai thông tin hay có vi phạm gì về quy định của Đại lý bảo hiểm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C. Về nội dung đại diện hợp pháp của bà C cho rằng việc ông C2 hứa hẹn cho bà C 510.000.000đ tiền hoa hồng nếu bà C tham gia ký các Hợp đồng bảo hiểm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây chỉ là lời hứa hẹn cá nhân giữa ông C2 và bà C (nếu có), không thể hiện việc ông C2 đã gian dối hay tư vấn sai thông tin các Hợp đồng bảo hiểm cho bà C và cũng không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà C như lời của bà C cũng như đại diện hợp pháp cho bà C trình bày. Hơn nữa, như phân tích tại mục [2.2] nêu trên thì sau khi nhận được 04 bản Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 21 ngày bà C không có ý kiến gì về việc ông C2 tư vấn nội dung không đúng với nội dung 04 bản Hợp đồng mà bà C đã nhận và còn có đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đối với hai Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018, số 2817193665 ngày 23/04/2018. Do đó, yêu cầu này của bà C là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, bà C khởi kiện yêu cầu hủy 04 Hợp đồng bảo hiểm số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018 và yêu cầu Công ty MNL VN trả lại tổng số tiền 1.010.000.000đ (không yêu cầu lãi) là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc C2: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định ông Trần Ngọc C2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ông C2 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án ngày 05/07/2019; Giấy triệu tập ngày 10/07/2019; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải ngày 12/12/2019; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải ngày 01/06/2020; Giấy triệu tập ngày 10/08/2020; Quyết định đưa vụ án đưa vụ án ra xét xử ngày 18/08/2020 và các thông báo mở lại phiên tòa. Cho đến phiên tòa ngày 15/12/2021, ông C2 mới có ý kiến yêu cầu đòi số tiền 510.000.000đ. Như vậy, yêu cầu của ông C2 đã quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không thuộc trường hợp được thụ lý yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông C2 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông C2.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn là không đúng với những chứng cứ khách quan thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận và chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C nên bà Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty MNL VN không phải nộp, ông Trần Ngọc C2 không được chấp nhận kháng cáo nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn MNL VN, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc C2; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 93; khoản 2 Điều 201 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 3; Điều 14; của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000; sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính Phủ; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với yêu cầu hủy toàn bộ bốn (04) Hợp đồng bảo hiểm gồm các bảo hiểm: Số 2817193319 ngày 17/04/2018; số 2817193665 ngày 23/04/2018; số 2815839897 ngày 24/04/2018; số 2815840002 ngày 24/04/2018; và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam phải hoàn trả cho bà C số tiền 1.010.000.000đ (*một tỷ, không trăm mười triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số AA/2018/0013277 ngày 20/06/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho bà C 21.150.000đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số AA/2018/0013277 ngày 20/06/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife Việt Nam **không phải nộp được hoàn lại 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số AA/2021/0000565 ngày 17/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.**

+ Ông Trần Ngọc C2 **phải nộp 300.000đ, được đối trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số AA/2021/0000597 ngày 16/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

Hồ Sỹ Hưng

Phan Thị Vân Hương

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

Phan Thị Vân Hương

Lê Thị Thúy Bình